UBND XÃ CHI LĂNG

DANH SÁCH

Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số xã Chi Lăng

(Kèm theo Quyết định số 2042/QĐ-UBND, ngày 20/10/2026 của Ủy ban nhân dân xã Chi Lăng)

TT	Họ tên NCUT	Số lượng NCUT	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú	Trình độ học vấn/ chuyên môn	Thành phần người có uy tín							Ghi chú
			Nam	Nữ				Già làng, trưởng dòng họ, người thực hiện nghi lễ truyền thống, tín ngưỡng	Chức sắc, chức việc, nhà tu hành	Cán bộ, công chức, viên chức, bộ đội, công an đã nghỉ hưu	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, Tổ trưởng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, Thôn đội trưởng	Nhân sỹ, trí thức, doanh nhân,nghệ nhân,nhà giáo, thầy thuốc, lương y, công nhân, nông dân, phụ nữ, thanh niên	Đảng viên	Thành phần khác	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Nông Văn Phòng	1	1957		Nùng	Thôn Đoàn Kết, xã Chi Lăng	THCS							x	
2	Nông Văn Vấp	1	1967		Nùng	Thôn Tiền Phong, xã Chi Lăng	THCS						x	x	
3	Nông Thị Danh	1		1954	Tày	Thôn Hữu Nghị, xã Chi Lăng	THPT/CĐ			x			x		
4	Vi Thị Tóm	1		1959	Nùng	Thôn Làng Trung, xã Chi Lăng	THPT/CĐ			x			x		
5	Lý Văn Hiếu	1	1980		Nùng	Thôn Làng Trung, xã Chi Lăng	THPT				x				
6	Hoàng Mạnh Dần	1	1958		Nùng	Thôn Than Muội, xã Chi Lăng	THCS							x	
7	Triệu Văn Khôn	1	1955		Nùng	Thôn Làng Thành, xã Chi Lăng	THCS							x	
8	Vi Văn Hiền	1	1957		Tày	Thôn Thống Nhất 2, xã Chi Lăng	THPT/ĐH			x			x		
9	Nghiêm Xuân Út	1	1972		Kinh	Thôn Ga Nam, xã Chi Lăng	THPT/ĐH			x			x		NCUT mới
10	Dương Quang Sính	1	1955		Kinh	Thôn Trung Tâm, xã Chi Lăng	THCS							x	
11	Vi Quang Tuyến	1	1961		Tày	Thôn Hoà Bình 2, xã Chi Lăng	THPT/CĐ			x			x		
12	Trần Bích Thuận	1		1955	Kinh	Thôn Hoà Bình 1, xã Chi Lăng	THPT/CĐ			x			x		
13	Nguyễn Văn Định	1	1959		Tày	Thôn Ga Bắc, xã Chi Lăng	THPT				x				

14	Trương Văn Nga	1	1957		Nùng	Thôn Lũng Cút, xã Chi Lăng	THCS						x	x	
15	Vi Minh Huệ	1	1957		Tày	Thôn Hợp Tiến, xã Chi Lăng	THPT/TC				x		x		
16	Phan Văn Quý	1	1971		Kinh	Thôn Chi Lăng, xã Chi Lăng	THPT				x		x		
17	Lăng Văn Bóng	1	1975		Nùng	Thôn Chi Lăng, xã Chi Lăng	THPT							x	
18	Vi Văn Thiện	1	1986		Nùng	Thôn Xóm Mới, xã Chi Lăng	THCS							x	
19	Phùng Văn Trạch	1	1974		Nùng	Thôn Đồng Đĩnh, xã Chi Lăng	THCS							x	NCUT mới
20	Mai Văn Hình	1	1959		Tày	Thôn Đồng Đĩnh, xã Chi Lăng	THPT			x					NCUT mới
21	Vũ Quang Hải	1	1980		Kinh	Thôn Mã Yên, xã Chi Lăng	THPT				x		x		
22	Hoàng Thị Mừng	1		1950	Nùng	Thôn Mã Yên, xã Chi Lăng	THPT/TC			x			x		
23	Phan Giang	1	1974		Nùng	Thôn Quán Bầu, xã Chi Lăng	THCS							x	
24	Hoàng Văn Én	1	1965		Nùng	Thôn Quán Bầu, xã Chi Lăng	THPT						x	x	
25	Nông Mạnh Tiến	1	1963		Nùng	Thôn Ba Đăng, xã Chi Lăng	THPT							x	
26	Đỗ Danh Thành	1	1970		Kinh	Thôn Ba Đăng, xã Chi Lăng	THCS							x	
27	Hoàng Văn San	1	1972		Nùng	Thôn Yên Bình, xã Chi Lăng	THCS							x	
28	Triệu Văn Vinh	1	1963		Nùng	Thôn Yên Bình, xã Chi Lăng	THPT/TC			x			x		
29	Nguyễn Văn Thắng	1	1969		Kinh	Thôn Trung Thịnh, xã Chi Lăng	THPT						x	x	NCUT mới
30	Lương Văn Hiểu	1	1950		Kinh	Thôn Trung Thịnh, xã Chi Lăng	THCS							x	
31	Nông Văn Hoàn	1	1980		Nùng	Thôn Pha Lác, xã Chi Lăng	THPT				x		x		
32	Phan Văn Hành	1	1973		Nùng	Thôn Đồng Bành, xã Chi Lăng	THCS							x	NCUT mới
33	Hoàng Văn Mạ	1	1958		Nùng	Thôn Đồng Bành, xã Chi Lăng	Tiểu học						x	x	
34	Mè Thị Việt	1		1954	Kinh	Thôn Làng Thượng, xã Chi Lăng	Tiểu học							x	
35	Lý Văn Long	1	1964		Nùng	Thôn Làng Thượng, xã Chi Lăng	THPT/CĐ			x			x		
36	Vi Văn Soạn	1	1968		Kinh	Thôn Làng Thượng, xã Chi Lăng	THCS							x	
Xã Chi Lăng		**36**	**31**	**5**				**-**	**-**	**10**	**6**	**-**	**18**	**20**	

Danh sách này ấn định 36 (ba mươi sáu) người có uy tín./.